

SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT TRONG VỞ VŨ NHƯ TÔ

ĐỖ THỊ THUỶ TRANG *

Tóm tắt: Từ sự kiện lịch sử có thật ở thế kỷ XVI, Nguyễn Huy Tường đã sáng tác vở kịch “Vũ Như Tô” - thông qua nhân vật Vũ Như Tô, nhà văn Nguyễn Huy Tường đã gửi gắm nhiều suy tư sâu sắc của mình về cái Tài và chữ Tâm của một nghệ sĩ chân chính. Thật ra, kịch bản viết về một nhà kiến trúc sư, nhưng nhà văn muốn thông qua hình tượng này để nói về “hình ảnh của nhà văn (“người cầm bút”), nghệ sĩ, nhà nhân văn chủ nghĩa, người trí thức... tất cả những ai quan tâm, bảo vệ, xây dựng, ngợi ca cái đẹp, con người”.

Lần đầu tiên, hình tượng nhân vật Vũ Như Tô được xây dựng thành công, trở nên điển hình và mẫu mực trong vở diễn “Vũ Như Tô” trên sân khấu nhà hát Tuổi Trẻ do cố đạo diễn Phạm Thị Thành dàn dựng. Lần thứ 2 là sau 8 năm, vở được tái dựng trên sân khấu Nhà hát truyền hình. Hình tượng Vũ Như Tô được hình thành toàn diện trong một chỉnh thể thống nhất từ kịch bản văn học đến những sáng tạo của đạo diễn và thông qua sức thể hiện nhân vật của người diễn viên.

Từ khóa: Kịch, lịch sử, Vũ Như Tô, Cửu Trùng Đài, Đan Thiềm, Thị Nhiên

Abstract: Drawing upon a real historical event of the sixteenth century, Nguyễn Huy Tường wrote the play “Vũ Như Tô”. Through the character of Vũ Như Tô, the playwright expressed profound reflections on the relationship between talent and moral conscience in the life of a true artist. Although the play centres on an architect, Nguyễn Huy Tường intended this figure to represent “the image of the writer, the artist, the humanist, the intellectual—in short, all those who care for, protect, create, and celebrate beauty and humanity”.

The artistic image of the character Vũ Như Tô was first successfully created on stage and became an exemplary dramatic figure in the production of “Vũ Như Tô” staged by the Youth Theatre under the direction of the late director Phạm Thị Thành. Eight years later, the play was revived for Television Theatre. The artistic image of Vũ Như Tô was then fully realized as an integrated artistic whole through the organic unity of the dramatic text, the director’s creative vision, and the actor’s performance.

Keywords: drama; history; Vũ Như Tô; Cửu Trùng Đài; Đan Thiềm; Thị Nhiên.



Không gian đời sống trong vở Vũ Như Tô

Tại sân khấu Nhà hát truyền hình, được khắc họa trong bối cảnh lịch sử vào năm 1526 đến năm 1527 dưới triều nhà Lê. Vì các sự kiện tình tiết trong vở kịch đều xảy ra trong cung điện của vua Lê Tương Dực cho nên cố đạo diễn Phạm Thị Thành đã sử dụng tất cả bốn bối

cảnh khác nhau, vừa ước lệ, vừa tả thực, vừa mang những ý nghĩa ẩn dụ mà lại hữu hình có tính gợi mở cao. Hệ thống bức bệ và trang trí mỹ thuật được tính toán gọn gàng, đơn giản mà vẫn có thể lột tả được toàn bộ không gian chính của vở kịch.

Cảnh 1: Để miêu tả hình ảnh bên trong cung điện xa hoa, tráng lệ của nhà vua, nội cung được thể hiện qua phong nền trắng cùng ánh đèn xanh lam và hồng tím. Hai bên cánh là hai tấm rèm màu vàng nhạt được vén lên cao, tạo nên độ thoải mềm mại. Tiếp đến là hai cột màu đỏ có trang trí rồng uốn lượn, được đặt lệch với nhau theo hình thức một cột phía sau rèm trái và một cột phía trước rèm phải. Dãy bức hình chữ nhật xếp chồng lên nhau dần đều về phía hậu cảnh, trên đó, ở giữa đặt chiếc ngai vàng của nhà vua. Mặt phía trước ngai vàng là những chiếc bậc ngũ cấp để diễn viên dễ dàng lên xuống. Đây là bối cảnh mở đầu và chứa đựng giao đãi của vở kịch nhằm giới thiệu hoàn cảnh, tính cách nhân vật và cũng là để giới thiệu sự kiện đầu tiên nhằm gieo mầm mống cho sự xung đột chính của vở kịch là Vũ Như Tô bị bắt ép phải xây dựng Cửu Trùng Đài cho hôn quân Lê Tương Dực.

Cảnh 2: Ở cảnh này, trong không khí lao động hăng say của những ngày đầu xây dựng tòa thành, tất cả thợ thầy vẫn còn rất hoà đồng và đầy hứng khởi trong việc xây dựng dưới sự chỉ đạo của Vũ Như Tô. Phong nền là cảnh tòa thành đang xây dựng với đường nét gợi tả là những sợi dây thừng giăng chéo từ trên cao, một cái thang dựng đứng để thợ có thể leo lên xuống mà xây dựng, chạm trổ. Kế đó là một chiếc cột cái to được dựng đứng và một cái cổng vòm nhìn nghiêng. Hệ thống bức hình chữ nhật dài, chồng lên nhau nhằm phân tầng không gian cao thấp và một bức tam cấp được đặt ở giữa tạo lối đi lại lên xuống cho diễn viên di chuyển. Kèm theo đó là các bức với những kích thước khác nhau được làm mô phỏng như những khối đá to được xếp lại với nhau.

Cảnh 3: Tòa thành Cửu Trùng Đài dần thành hình. Họa sĩ Bùi Huy Hiếu đã vẽ một phong nền với những mái nhà cong vút, ẩn, hiện, tạo cảm giác xa gần bằng cách vẽ những tòa nhà được xây bằng đá đan xen với những tòa lẩn khuất

phía xa, chỉ hiện lên một màu đen. Ở chân tòa thành đang xây dở là một hệ thống bậc bộ hình chữ nhật và tam cấp. Dần về phía tiền cảnh ở hai bên sân khấu được trang trí với bên phải là chân bức tường thành đang xây dở, bên trái là đầu một con rồng châu bằng đá. Đây cũng là bối cảnh mà xung đột bắt đầu phát triển, đám thợ manh nha có ý định nổi loạn khi những lời oán than ngày càng chất chồng.

Cảnh 4: Cảnh này vẫn là cảnh dưới chân tòa Cửu Trùng Đài, nhưng đã hoàn thiện hơn. Ở cảnh này, phong nền được vẽ là những bức tượng với nhiều hình thù khác nhau như: quân tượng cưỡi voi, võ tướng cưỡi ngựa, cùng những bức tường thành bằng đá cao ngất, phía xa xa là những tòa tháp cao vút, cổng thành cũng được mở rộng. Bên phải phong nền là những góc mái nhà cong cong, ẩn hiện. Phía dưới chân tòa thành vẫn là hệ thống bậc chữ nhật xếp chồng lên nhau và bậc tam cấp được trang trí thành hình những khối gạch lớn. Hai bên sân khấu về tiền cảnh là những bức tường thành bằng đá khối tam giác nhằm tạo cảm giác tường đã được xây kiên cố nhưng lại không che khuất tầm nhìn của khán giả. Đây là bối cảnh xung đột được đẩy lên cao trào, khi đám thợ quyết tâm bỏ đài làm phản, theo Trịnh Duy Sản giết vua, bắt Vũ Như Tô, Kim Phụng, Đan Thiềm, đám cung nữ và cuối cùng là đốt phá Cửu Trùng Đài. Đặc biệt ở cảnh kết này, đạo diễn đã sử dụng màn hình led để tạo ra không gian và hình ảnh của những ngọn lửa bốc cháy dữ dội.

Xử lý âm nhạc, âm thanh, ánh sáng trong vở *Vũ Như Tô*

Một trong những dấu ấn nghệ thuật của vở diễn *Vũ Như Tô* nằm ở việc đạo diễn xử lý âm nhạc đa dạng, góp phần tăng chiều sâu cảm xúc cho tác phẩm. Với bối cảnh của vở kịch, đạo diễn sử dụng âm nhạc trên cơ sở chất liệu âm nhạc cung đình – đây là âm hưởng chung của vở. Điều này được thể hiện rõ nét ở những

lớp múa hát tươi vui của các cung nữ, lớp Đan Thiềm gập gờ tri kỉ Vũ Như Tô, hay lớp Đan Thiềm bọc bạch về cuộc đời của mình từ lúc cô còn là một thôn nữ cho đến lúc bị bắt vào cung và ngày dần bị quên lãng... Lối diễn, lối thoại của diễn viên trên nền nhạc biến chuyển đầy linh hoạt, từ tiếng *violon* du dương, da diết, cho đến tiếng đàn tranh réo rắt, trong trẻo (đoạn Đan Thiềm bọc bạch về cuộc đời của mình), khi lại thấm đẫm cảm xúc từ âm hưởng của tiếng đàn bầu sâu lắng (đoạn Vũ Như Tô và Đan Thiềm tự hào chiêm ngưỡng Cửu Trùng Đài được xây ngày càng cao đẹp, uy nghi giữa trời xanh) đã mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao. Bên cạnh đó, âm nhạc được sử dụng như một phương tiện hỗ trợ biểu đạt cảm xúc nhân vật, đồng thời đẩy cao tính kịch của tác phẩm. Ở đoạn Vũ Như Tô bị bắt đóng cũi áp giải vào trình diện vua, đạo diễn đã sử dụng âm nhạc với tiếng trống mạnh và dồn dập nhằm làm tăng kịch tính, không khí căng thẳng của tình huống kịch, đồng thời làm tăng sự xung đột về tính cách giữa các nhân vật, giữa một tên vua bạo quyền và một người nghệ sĩ chính trực, không sợ cường quyền. Hay ở đoạn Vũ Như Tô chấp choạng bước đi với gông cùm và xiềng xích trên người, âm nhạc trở nên da diết, bi lụy, đoạn nhạc này như nói lên cuộc đời Vũ Như Tô, một nghệ sĩ tài hoa xuất chúng lại bị vùi dập bởi thời thế, cường quyền.

Ở đoạn khác, khi Đan Thiềm tâm sự cùng Vũ Như Tô, âm nhạc hoà trong tiếng đàn réo rắt, khi nỉ non, lúc dằn trải, có lúc lại như nói lên nỗi lòng Đan Thiềm với sự đồng cảm, xót xa cho một người tài mang số phận gian truân: “Chính tôi là một người đồng bệnh, nên tôi càng ái ngại cho ông, tài làm lụy ông cũng như nhan sắc phụ người”⁽¹⁾. Khi ấy đoạn nhạc với bà lại như lời than thở trước cuộc đời nghiệt ngã của chính mình.

Đoạn nhạc này cũng được đạo diễn sử dụng và phối thêm với những âm thanh vang vọng có

phần rùng rợn trong bài tề ở lớp diễn độc thoại của Vũ Như Tô để nhằm làm tăng sự day dứt và nỗi khổ tâm của nhân vật khi vì chí lớn mà chịu tiếng bạc với vợ con và tiếng ác với các người thợ đã bị mình mang ra hành tội.

Đạo diễn đã thành công khi sử dụng và trình bày những âm thanh rất sinh động và chân thực trong các lớp, các cảnh kịch. Tiếng hô hào, hò hét với kèn trống của quân phản loạn hay âm thanh tiếng nước sủi tăm khi Đông các đại học sĩ Nguyễn Vũ tự vẫn lúc hay tin vua băng hà. Hay ở lớp cuối vở kịch, âm thanh đập phá, đất đá rơi vung vãi, tường đài sụp đổ, pháo nổ tung trời, cộng hưởng với hiệu ứng khói và ánh sáng lửa đỏ chập chờn đã mang lại không khí mật mù, tang thương, rất chân thực.

Ở thời điểm dàn dựng vở kịch *Vũ Như Tô*, điều kiện vật chất cũng như trang thiết bị tại nhà hát Truyền hình chưa đáp ứng thực tiễn sáng tạo nên không cho phép cổ đạo diễn Phạm Thị Thành khai thác mạnh về ánh sáng. Bao trùm toàn vở diễn chủ yếu sử dụng ánh sáng trắng kết hợp với phong nền là sự pha trộn ánh sáng giữa các màu xanh lam và hồng tím. Phong nền này được sử dụng gần như hầu hết các cảnh của toàn vở diễn. Cùng với cảnh trí miêu tả về thời gian như cảnh đêm huyền ảo thì ánh sáng còn miêu tả về không gian. Ở ngay cảnh đầu vở kịch là cảnh ăn chơi hưởng lạc của vua Lê Tương Dực cùng phi tần và đám cung nữ đã cho thấy được sự xa hoa tráng lệ bên trong cung điện của vua Lê. Hay ở các cảnh các nhân vật đứng ở nơi đang xây dựng Cửu Trùng Đài thì với phong nền và ánh sáng trắng đã làm nổi bật sự nguy nga, tráng lệ của công trình này. Thêm vào đó, cổ đạo diễn Phạm Thị Thành đã thành công khi sử dụng ánh sáng cụm để đặc tả tâm tư, biểu cảm nhân vật như đoạn Vũ Như Tô và Đan Thiềm đứng trên cao nhìn ngắm quá trình xây dựng Cửu Trùng Đài. Ở đoạn này, ánh sáng chụm vào hai nhân vật làm nổi bật lên niềm vui và sự mãn nguyện khôn xiết của hai người khi

(1). Nguyễn Huy Tường (2006), tr. 8, hồi 1

ước mơ của họ đã dần thành hiện thực. Ở đoạn khác, khi Quận công Trịnh Duy Sản vì ngăn cản vua Lê Tương Dực xây Cửu Trùng Đài, đòi giết Vũ Như Tô và đám cung nữ, nhà vua đã tức giận đòi xử tử ông ta nhưng nhờ thứ phi Kim Phụng ngăn cản, Trịnh Duy Sản chỉ bị phạt một trăm roi và ở đoạn đánh phạt đó, đạo diễn đã cố ý giảm bớt ánh sáng, làm mờ khung cảnh sân khấu, chỉ thi thoảng có chút tia ánh sáng le lói soi vào mặt Trịnh Duy Sản, về mặt vừa tức giận vừa cam chịu. Bóng tối ấy cũng trở thành đường lui vào trong cánh gà của các nhân vật khác để chuẩn bị cho lớp độc thoại của Trịnh Duy Sản, than oán về nỗi ô nhục và manh nha cho hành động phản nghịch tiếp theo - giết vua, phá Cửu Trùng Đài. Với phong nền và lối xử lý ánh sáng như vậy thì dù miêu tả thời gian ban ngày hay ban đêm, khung cảnh bên trong cung điện hay bên ngoài Cửu Trùng Đài vẫn luôn tạo được cảm giác về sự nguy nga tráng lệ của cung điện và sự hùng vĩ của Cửu Trùng Đài. Đây là cách sử dụng ánh sáng khéo léo của đạo diễn.

Bắt đầu từ đoạn các thợ dân bất mãn và phản ứng với việc xây Cửu Trùng Đài, nghĩa là từ giữa cho đến kết vở kịch thì đạo diễn đã thay đổi ánh sáng trắng thành ánh sáng vàng và bao trùm các cảnh này là sự âm u, u uất và đen tối trong tâm trạng, trong mưu toan của nhân vật và chuẩn bị cho những chuyển biến vào giai đoạn xung đột đỉnh điểm của vở kịch.

Xung đột trong vở *Vũ Như Tô*

Trong vở *Vũ Như Tô* tồn tại hai dạng xung đột chính:

Xung đột thứ nhất là xung đột nội tâm của nhân vật Vũ Như Tô. Khi dàn dựng tác phẩm này trên sân khấu, cố đạo diễn Phạm Thị Thành không chủ tâm khai thác sâu sắc nội tâm của nhân vật mà bà để cho khán giả tự nhìn thấy điều đó qua những lời thoại và hành động giằng xé của nhân vật. Tiêu biểu là ở đoạn Vũ Như Tô thấp hương cầu siêu cho các linh hồn những

người thợ đã ngã xuống vì xây Cửu Trùng Đài.

Xung đột kế tiếp là xung đột bên ngoài, bao gồm xung đột giữa tính cách với hoàn cảnh và xung đột giữa tính cách với tính cách. Hai mối xung đột này đã được đạo diễn tạo ra ở nhiều điểm nhấn mạnh mẽ. Ngay ở cảnh mở màn vở diễn, bà đã dàn dựng cảnh chơi bời, hưởng lạc của nhà vua cùng đám cung nữ. Xung đột giữa việc xây dựng Cửu Trùng Đài chỉ để phục vụ cho việc ăn chơi, lạc thú của nhà vua và tương phản với hình ảnh về những người thợ than oán với bao nỗi thống khổ, ảm ức, hy sinh và song song đó là sự tương phản hình ảnh Thị Nhiên, người vợ tảo tần của Vũ Như Tô - đại diện cho những người dân lam lũ nghèo khổ. Đối với họ, Cửu Trùng Đài là một thứ đáng sợ, nó như một cỗ máy nuốt người khổng lồ.

Ở đoạn Trịnh Duy Sản can vua ngừng xây đài, khuyên vua đuổi đám cung nữ và giết chết Vũ Như Tô rồi bị phạt một trăm roi trước thềm rồng cũng chính là cảnh mà đạo diễn cố ý đẩy xung đột giữa tính cách và tính cách lên đến cao trào, đó là xung đột giữa Trịnh Duy Sản với vua Lê Tương Dực và Vũ Như Tô, để rồi dẫn đến âm mưu và hành động phản nghịch về sau.

Sự kiện, tình tiết, tình huống kịch trong vở *Vũ Như Tô*

Trong vở *Vũ Như Tô* có nhiều nhân vật, mỗi nhân vật đều mang tính cách và số phận khác nhau. Những sự kiện trong dòng kịch đều được khắc họa sinh động cho dù cố đạo diễn Phạm Thị Thành đã lược bớt một số tình tiết, tình huống kịch khi đưa lên sân khấu, nhưng đồng thời cũng thêm thắt, nhấn mạnh ở một số tình tiết, tình huống kịch nhằm làm nổi bật tính cách nhân vật, đẩy xung đột lên cao trào, làm cho chủ đề tư tưởng của vở được bộc lộ rõ hơn.

Đạo diễn đã bố trí ngay trong cảnh mở màn vở diễn là cảnh ăn chơi hưởng lạc thú của vua Lê Tương Dực cùng đám cung nữ và thứ phi Kim Phụng, tương phản với điều đó là cảnh

Vũ Như Tô bị đóng cũi giải về kinh, bắt phải xây Đài. “Kể nào trái ý chém ngang lưng, bêu đầu ngoài chợ”⁽²⁾. Khi Vũ Như Tô tỏ ý chống đối thì Vua sẵn lòng “bắt chín họ” nhà Vũ Như Tô chém ngang lưng, rồi “đốt sạch, phá sạch, triệt cả làng cả tổng, đến cây cỏ cũng không mọc nổi”⁽³⁾. Để làm bật lên lối sống xa hoa, trụy lạc của Lê Tương Dực, đạo diễn đã khéo léo đan cài phân cảnh đám thợ xây tranh thủ giờ nghỉ giải lao, lấy áo làm long bào rồi bày trò đóng giả vua và thứ phi Kim Phượng. Trò chơi trần giả này hiện lên vừa sinh động, vừa mang tính giễu nhại sâu cay. Chính tình tiết này đã làm cho không khí kịch được giãn ra, giảm bớt sự căng thẳng, nhưng cũng là tình tiết thể hiện rõ mâu thuẫn giữa sự xa hoa, hưởng lạc của nhà vua với những nỗi vất vả, khổ cực của dân chúng mà đại diện là đám thợ xây Đài.

Ở sự kiện Trịnh Duy Sản ngăn cản vua xây Cửu Trùng Đài dẫn tới việc bị đánh và cuối cùng là hành động nổi loạn, lật đổ triều đình vua Lê. Sự kiện này trong kịch bản chỉ được kể lại qua lời của cung nữ Đan Thiềm, còn khi lên sân khấu, đạo diễn đã dàn dựng cảnh này nhằm thúc đẩy tâm lý nhân vật, để nhân vật đủ tâm lý chuyển nhanh thành hành động. Thể hiện ở chỗ sau khi Trịnh Duy Sản bị nhà vua cho lính đánh trăm roi, nhục nhã trước triều đình, hấn bắt đầu quyết tâm tạo phản. Đó chính là việc đẩy nhanh tình tiết kịch.

Ở cảnh cuối vở kịch, sự kiện Thị Nhiên đến thăm chồng cũng được đạo diễn dàn dựng một cách khéo léo, sinh động và hấp dẫn. Lớp kịch tuy chỉ có hai nhân vật được thể hiện bởi hai nghệ sĩ là Minh Hằng và Anh Tú, nhưng thông qua lời đối thoại đã làm nổi bật hai quan điểm khác nhau. Đó là trong khi Thị Nhiên choáng ngợp trước sự nguy nga của tòa đài và đau xót kể về cảnh làm than, lụt lội, mất mùa, đói kém, thuế nặng mà người dân đang gánh chịu, thì Vũ Như Tô lại chỉ thao thao bất tuyệt về cái đẹp,

hoàn toàn chìm đắm trong thế giới nghệ thuật của riêng mình. Tâm trí ông chỉ hướng về vẻ đẹp oai nghiêm của Cửu Trùng Đài, về những nét chạm trổ tinh xảo và bố cục không gian hoàn hảo. Sự say mê đến mức cực đoan ấy đã khiến ông mù quáng trước máu và nước mắt của vạn dân. Qua lớp kịch này, đạo diễn đã làm bật lên mâu thuẫn cốt lõi giữa khát vọng sáng tạo duy mỹ và thực tế đời sống nghiệt ngã – điểm mâu chốt khơi mào cho bi kịch thảm khốc của người nghệ sĩ ở những lớp kịch tiếp theo.

Tính trữ tình trong vở *Vũ Như Tô*

Đạo diễn xây dựng tính trữ tình cho vở kịch thông qua việc không quá nhấn mạnh tính khốc liệt của những xung đột, mặc dù ngay từ kịch bản văn học đã cho thấy các sự kiện được khai thác là ở thời điểm lịch sử có nhiều biến cố với những mâu thuẫn hết sức gay gắt giữa đời sống xa hoa hưởng lạc của triều đình với đời sống bần cùng của nhân dân. Thay vào đó, thông qua vở diễn sân khấu này chúng ta vẫn thấy được chất trữ tình, lãng mạn xuyên suốt. Song song với tính bi kịch của tác phẩm được đẩy đến cao trào với rất nhiều cái chết trên sân khấu như cái chết của những người thợ, nhà vua, Kim Phượng, Đan Thiềm, Vũ Như Tô, rồi cả cảnh bắt bớ, chém giết, sự nổi loạn của dân chúng... thì tính trữ tình được thể hiện ở những cảnh nói lên hoàn cảnh thực tại đầy khó khăn, khắc nghiệt, thậm chí đau đớn đối với nhân vật. Đó là ước mơ xây đài của Vũ Như Tô và Đan Thiềm. Bất chấp hoàn cảnh thực tại là nhà vua tăng sưu thuế, quan lại nhân cơ hội đó vợ vét bóc lột nhân dân, hàng trăm người thợ chết vì thành đồ, đá đề, người sống thì đói khổ... nhưng Vũ Như Tô vẫn say sưa xây Cửu Trùng Đài để thực hiện giấc mơ Đại Việt sẽ có một công trình kỳ vĩ, tráng lệ, góp phần làm đẹp cho đất nước hay ở cảnh Vũ Như Tô hào hứng chia sẻ với Đan Thiềm về công trình vĩ đại sắp hoàn thành, là hình ảnh người nghệ sĩ tài hoa say sưa ngắm nghía từng chi tiết trên bản

(2). Nguyễn Huy Tưởng (2006), tr. 6, hồi 1.

(3). Nguyễn Huy Tưởng (2006), tr. 6, hồi 1.

vẽ, hay cả lúc ông đối thoại với vợ nhưng tâm trí lại hoàn toàn băng lạnh, mơ màng nghĩ về Cửu Trùng Đài cũng là những cảnh bộc lộ yếu tố trữ tình, chất thơ của vợ.

Để khán giả có thể cảm nhận được đầy đủ vở kịch, cố đạo diễn Phạm Thị Thành đã đưa ngôn ngữ điện ảnh vào trong vở diễn. Ngay ở màn khai từ, đạo diễn đã dùng kỹ thuật màn hình led của công nghệ điện ảnh để đặt vấn đề về con người với tạo hóa. Cụ thể là các đoạn phim về người đàn ông mãi miết bở từng nhát cuốc nặng trĩch trên cánh đồng đất nứt nẻ để tìm những danh nhân văn hóa, đó là những người tài năng đã biết khai hoang từ những vùng đất cằn cỗi làm nên những giá trị. Phải có những người có trí thức, có khát vọng, dám nghĩ, dám làm mới cải tạo những vùng đất hoang sơ thành vùng đất màu mỡ. Nối theo đó, đạo diễn lồng ghép bỏ loạt hình ảnh từ đồng cỏ đầy hoa, đến mảnh đất khô cằn, nứt nẻ, rồi những hình ảnh mờ từ Thành Rome, đền Ăng-co, đài Cô Tô, Vạn Lý Trường Thành, Kim Tự Tháp, Vườn treo Babylon... đến các danh họa nổi tiếng như Picasso... Thông qua những hình ảnh này, đạo diễn muốn truyền tải suy nghĩ rằng từ xa xưa, trải qua những biến đổi thăng trầm, con người trên toàn thế giới này đã dám nghĩ dám làm nên ngày nay còn có những công trình vĩ đại để lại cho nhân loại đời sau... nhằm dẫn dắt khán giả vào câu chuyện bi kịch về công trình của người nghệ sĩ Vũ Như Tô ở nước Đại Việt. Hay cảnh Đan Thiềm và Vũ Như Tô từ trên cao nhìn xuống các công trình di sản văn hóa, hay hình ảnh Đan Thiềm bị thiêu, cũng được lồng ghép trong vở kịch.

Diễn viên sáng tạo hình tượng Vũ Như Tô

Vũ Như Tô là một kiến trúc sư nổi danh dưới thời vua Lê Tương Dực. Ông được biết đến là một người thợ có tài năng hơn người, *vô tiền khoáng hậu*, có khả năng *tranh tình xảo với hóa công* mà điều đó được nói đến chủ yếu trong các

hồi, các lớp thông qua hành động và nhiều nhất là trong lời thoại của các nhân vật khác khi nói về người nghệ sĩ này: thiên tài *ngàn năm chưa dễ có một*. Người nghệ sĩ ấy có thể “sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân, có thể xây dựng những lâu đài cao cả, nóc vòm mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ”⁽⁴⁾. Ông “chỉ cần vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa thần tình biến hóa như cảnh hóa công”⁽⁵⁾. Vì tài năng xuất chúng nên Vũ Như Tô bị vua bắt ép xây Cửu Trùng Đài cho mình. Nhưng ông không cam chịu khuất phục trước cường quyền nên đã mang cả nhà bỏ trốn và chấp nhận sống một cuộc đời khổ cực. Sau này, khi Đan Thiềm khuyên nên mượn tay quyền thế đó để xây dựng một công trình tráng lệ cho “dân ta được nghìn thu hãnh diện” thì Vũ Như Tô đã chấp nhận xây Cửu Trùng Đài. Nhưng khi Đài càng xây cao thì nhân dân càng đói khổ, càng lầm than, còn Vũ Như Tô vì quá say mê cái Đẹp mà vô tình tự biến mình thành kẻ thù của chính nhân dân. Ông khao khát kiến tạo nên một kiệt tác để đời, dù sâu thẳm trong lòng, ông vẫn thương xót cho kiếp sống đói nghèo, khổ khổ của dân tộc, nhưng khát vọng sáng tạo lớn lao đã che mờ tất cả. Kết cục, tòa đài bị sụp đổ, công trình tâm huyết mãi mãi dang dở, còn bản thân người nghệ sĩ tài hoa ấy phải nhận một cái chết nghiệt ngã trên pháp trường.

Để hoá thân thành nhân vật có khí chất và tính cách như vậy, cố NSND. Anh Tú đã thật sự nắm bắt, hiểu rõ và hoà cảm với nhân vật. Trước tiên, vì không muốn phục vụ cho tên bạo chúa nên ông mang cả nhà đi trốn. Sau khi gặp Đan Thiềm, thông qua diễn xuất của người nghệ sĩ ta thấy được thái độ của Vũ Như Tô dành cho bà là sự khinh thường bằng cái ngạo nghễ của người tài, Vũ Như Tô cho rằng bà chỉ là người trong *túy hương mộng cảnh* thì làm sao hiểu được giá trị của nghệ thuật. Nghệ sĩ Anh Tú đã sử dụng đài từ danh thép, đầy tính miệt thị đối với người mà sau đó mới thấu hiểu là *kẻ đồng bệnh*. Chỉ

(4). Nguyễn Huy Tưởng (2006), tr. 4, hồi 1.

(5). Nguyễn Huy Tưởng (2006), tr. 4, hồi 1.

khi nghe Đan Thiềm nói về cuộc đời mình thì ông mới thay đổi thái độ và nhận thức, rồi vì thế mà nghe theo lời của Đan Thiềm: *không có bà, tôi nhờ hết cả*. Trong các lớp diễn kế tiếp, khoảnh khắc nhân vật bước vào thế giới sáng tạo nghệ thuật cũng là lúc nghệ sĩ Anh Tú biến hóa giọng thoại của mình bằng một sắc giọng sáng và bay bổng đã lột tả thành công hình ảnh một người nghệ sĩ đang thỏa sức vẫy vùng trong đam mê sáng tạo nghệ thuật

Tư duy sáng tạo của người nghệ sĩ kết tinh qua từng chi tiết biểu cảm nhỏ nhất, từ thần thái gương mặt cho đến ngôn ngữ hình thể. Minh chứng rõ nhất là khi Thị Nhiên xuất hiện, nhân vật gần như không bận tâm, ánh mắt vẫn hướng về một nơi xa xăm, còn đôi tay cứ liên tục vẽ nên những đường nét mơ hồ của tòa đài trong tâm tưởng. Bằng lối diễn đầy nội lực, nghệ sĩ Anh Tú đã làm chủ giọng thoại một cách xuất sắc – lúc thì nhẹ nhàng, mộng mị khi nói về Cửu Trùng Đài, lúc lại quyết liệt, cứng cỏi để biểu đạt khát vọng nghệ thuật. Chính sự định hình cảm xúc rõ ràng trong từng phân đoạn đã giúp xây dựng nên một đường dây nhân vật thống nhất, xuyên suốt và chạm đến trái tim người xem.

Có thể nói, nhân vật Vũ Như Tô được xây dựng là một nhân vật đa tính cách với rất nhiều sắc thái biểu hiện khác nhau, đòi hỏi người diễn viên phải có kiến thức sâu rộng, dày dặn kinh nghiệm, kỹ thuật biểu diễn sân khấu để thể hiện chính xác tâm lý trong từng hoàn cảnh, tình huống cụ thể để truyền tải cảm xúc cho thật chính xác. Đi cùng với nó là những động tác hình thể, sắc thái biểu cảm, xử lý đài từ phải thực sự linh hoạt chuẩn xác. Cố NSND. Anh Tú đã khai thác tâm lý nhân vật xuất sắc đến từng chi tiết nhỏ để khắc họa nên tính cách của nhân vật Vũ Như Tô. Có thể nói, cố NSND. Anh Tú được chọn để thể hiện nhân vật người nghệ sĩ Vũ Như Tô là hoàn toàn phù hợp và ông đã đạt thành công xuất sắc như mong đợi.

Nghệ sĩ Anh Tú là lựa chọn đầu tiên và duy nhất cho Vũ Như Tô của cố đạo diễn Phạm Thị Thành. Bà cho biết: “Rất khó tìm được một nam diễn viên hiện đại có khả năng độc thoại như Anh Tú. Giọng ấm, nhưng vang, những khi cần ghìm xuống, giọng nói ấy không để mất một âm sắc nào”⁽⁶⁾.

Về ngoại hình, để thể hiện thành công tính cách, trạng thái tâm lý theo từng hoàn cảnh, tình huống và sự kiện kịch thì ngoại hình nhân vật phải được chăm chút rất kỹ lưỡng. Cố NSND. Anh Tú đã được thay đổi nhiều lớp hoá trang và sử dụng tổng cộng 3 bộ trang phục cho từng giai đoạn cuộc đời của nhân vật Vũ Như Tô:

Ở cảnh đầu, để phù hợp với tính cách ngang tàn, dù bị xiềng xích gông cùm nhưng vẫn kiên quyết từ chối xây đài cho vua, Vũ Như Tô được tạo hình hóa trang với vẻ dữ tợn, hàng ria mép đậm và râu lún phún dưới cằm, đôi mắt nhìn lúc nào cũng lờm lờm trông đáng sợ như chỉ trực chờ nuốt sống ai đó. Ở cảnh này, nhân vật mặc một bộ quần áo màu nâu hơi nhàu, đầu búi tóc buộc khăn vấn đơn sơ như hình ảnh tầng lớp lao động xưa, tạo hình tả tơi phù hợp hoàn cảnh mà nhân vật sau khi đi trốn bị đánh trói bắt về cung.

Ở cảnh hai và cảnh ba, dưới sự thuyết phục của cung nữ Đan Thiềm, Vũ Như Tô đã trở thành một đốc công, dùng bàn tay tài hoa tình nguyện xây Cửu Trùng Đài cho vua Lê Tương Dực, nghệ sĩ Anh Tú đã thay đổi 2 bộ trang phục. Cụ thể ở cảnh hai, nhân vật mặc bộ trang phục áo nâu, quần đen, đầu vẫn búi tóc buộc khăn vấn đơn sơ của tầng lớp lao động, cổ quấn khăn xám để thấm mồ hôi. Còn ở cảnh 3 là bộ trang phục lụa màu vàng đất, áo dài, quần ống sớ, đầu đội khăn xếp màu đen gọn gàng và sang trọng. Trong hai cảnh sau, khuôn mặt vẫn hóa trang với bộ ria và râu ở cằm nhưng sắc thái đã hiền lành và thân thiện. Ba bộ trang phục này đều phù hợp với vị trí và công việc mà nhân vật Vũ Như Tô đang đảm nhiệm qua từng giai

(6). Đỗ Thu Hà (2018)

đoạn, từng tiến trình của công việc và chức vụ mà ông đảm nhiệm.

Hạt nhân của Vũ Như Tô chính là lý tưởng sống trong ông. Dù trong hoàn cảnh nào Vũ Như Tô cũng không ngừng sáng tạo hoàn hảo, mục đích lớn nhất của ông là để lại cho dân tộc một công trình nghệ thuật tuyệt mỹ, làm đẹp thêm cho văn hóa của đất nước. Điều đáng buồn là khát vọng ấy lại sinh ra trong thời cuộc đen tối, nên những ý nghĩ và hành động tốt đẹp đã vô tình trở thành tấn bi kịch thời đại.

Nếu lịch sử chỉ nhìn nhận Vũ Như Tô như một tên đốc công đáng trách, thì trong vở kịch cùng tên của Nguyễn Huy Tưởng, ông hiện lên là một tấn bi kịch đầy xót xa. Đến tận lúc chết, Vũ Như Tô vẫn không thể nào chấp nhận được việc khát vọng vĩ đại của mình lại bị coi là một tội ác, sự quang minh chính đại của ông lại bị coi là rẻ rúng, bị khinh miệt và nghi ngờ. Hiện thực nghiệt ngã đã đẩy người nghệ sĩ vào hố sâu sụp đổ và đau đớn. Nó kết thành một tiếng kêu bi thương xé lòng, trở thành một âm hưởng trầm uất, xót xa lan tỏa khắp hồi kết và toàn vở kịch: “Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cừ

Trùng Đài!”⁽⁷⁾. Khúc thán ca ấy đã hòa quyện mọi niềm đau mất mát, đẩy bi kịch nhân vật lên đến đỉnh điểm của sự bi tráng. Trong tiếng kêu ấy, tất cả nỗi đau mất mát như hòa vào làm một, thành nỗi đau bi tráng tột cùng. Đó cũng là những tiếng kêu cuối cùng của Vũ Như Tô khi ngọn lửa oan nghiệt đang thiêu trụi Cừ Trùng Đài, tiếng kêu cuối cùng trước khi người cha của nó bị dẫn ra pháp trường.

Bằng cách xoáy sâu vào cảnh tượng đồ nát, bốc cháy của Cừ Trùng Đài ở cuối vở diễn vừa gọi lên một bầu không khí kinh hoàng, vừa khéo léo che khuất đi sự thảm khốc trong số phận của người nghệ sĩ tài hoa. Sân khấu không phơi bày cảnh tượng Vũ Như Tô đau khổ chịu hình, mà gói gọn tất cả trong tiếng thét đau khổ, tuyệt vọng của Đan Thiềm. Hiện lên giữa lăng kính ấy là hình ảnh một người anh hùng bị trời dẫn đi trong tư thế hiên ngang, sẵn sàng “tử vì đạo”.

(7). Nguyễn Huy Tưởng (2006), tr. 61 - 62, hồi 5.

* *Ths. Nghiên cứu Nghệ thuật sân khấu*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristote (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb. Văn hóa.
2. Đỗ Đức Hiểu, *Bi kịch Vũ Như Tô*, Tạp chí Văn học số 10/1997.
3. Nguyễn Huy Tưởng (2006), *Kịch tác sân khấu thế giới: Vũ Như Tô*, Nxb. Sân khấu.
4. Đỗ Thu Hà (2018), “Chân trời đã vắng người bay”; <https://nhaquanly.vn/chau-troi-da-vang-nguoi-bay-a235.html>, (Truy cập ngày: 8 tháng 5 năm 2024).
5. Đình Quang (1999), *Nghệ thuật biểu diễn hiện thực tâm lý*, Nxb. Sân Khấu.

Ngày nhận được bài: 7/5/2026; Ngày nhận xét, phản biện: 17/5/2026

Ngày quyết định đăng: 22/5/2026; Ngày đăng: 25/6/2026